

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2018/DS-PT

Ngày 03-7-2018

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Quán

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 136/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Hứa Thị N, sinh năm: 1970;

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1973;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

3. Ông Lâm Văn C, sinh năm: 1976;

4. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1977;

Cùng địa chỉ: Ấp B2, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Lê Văn R, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1953, địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2017 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, các nguyên đơn bà Hứa Thị N, ông Nguyễn Văn T, ông Lâm Văn C, bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Các nguyên đơn là người hùn tiền mua lúa, ông Lê Văn R là người trung gian mua lúa từ Campuchia về giao lại cho các nguyên đơn, ông R hưởng tiền hoa hồng. Vào ngày 30/10/2016 các nguyên đơn có đến ấp T, xã B, thị xã Kiến Tường để mua lúa thì gặp ông Lê Văn R. Vào năm 2016, các nguyên đơn có đưa tiền cho ông R để đặt cọc tiền mua lúa nhiều lần tổng cộng là 61.000.000 đồng, bà N là người trực tiếp giao tiền cho ông R, khi giao nhận tiền không làm giấy tờ với ông R mà chỉ ghi vào sổ của bà N để theo dõi. Khi kết thúc vụ lúa hai bên tính toán sổ sách và trừ tiền hưởng hoa hồng (tiền cò) cho ông R, thì ông R còn nợ lại các nguyên đơn số tiền là 23.346.000 đồng. Số nợ này ông R trả được 3.346.000 đồng còn lại 20.000.000 đồng ông R hứa thu hoạch lúa trả nhưng ông R hẹn nhiều lần vẫn không thực hiện việc trả nợ, nên các nguyên đơn gửi đơn ra ấp T, xã B yêu cầu hòa giải nhưng không có kết quả. Do đó, các nguyên đơn khởi kiện ra Tòa yêu cầu ông R hoàn trả lại số tiền là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần trong thời gian sớm nhất.

Bị đơn ông Lê Văn R trình bày: Ông R không đồng ý trả số tiền trên theo yêu cầu khởi kiện của bà N, ông T, ông C, bà P vì ông không có nhận tiền từ bà N đại diện cho các nguyên đơn, nếu bà N có bút tích gì của ông nhận tiền của bà N thì ông đồng ý trả. Sự việc bà N kiện ông có gửi bản tường trình và giấy xác nhận của người Campuchia có nhận tiền của bà N và bà N không đến cân lúa nên mất tiền đặt cọc.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163 và Điều 166 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Hứa Thị N, ông Nguyễn Văn T và vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Nguyễn Thị Kim P đối với ông Lê Văn R.

Xử buộc ông Lê Văn R phải thực hiện nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Hứa Thị N, ông Nguyễn Văn T và vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Nguyễn Thị Kim P số tiền là 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc ông Lê Văn R phải chịu 1.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho vợ chồng bà Hứa Thị N, ông Nguyễn Văn T và vợ chồng ông Lâm Văn C, bà Nguyễn Thị Kim P 500.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006516 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/4/2018 bị đơn ông Lê Văn R làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, trình bày cho rằng số tiền 20.000.000đồng ông T, bà N, ông C, bà P đưa trực tiếp cho ông K, còn ông R chỉ là người dẫn đường chứ không có nhận tiền nên không đồng ý trả tiền cho các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, các nguyên đơn bà N, ông T, ông C, bà P không rút đơn khởi kiện, trình bày cho rằng các nguyên đơn đã hùn tiền để mua lúa, bà N đại diện cho các nguyên đơn đã giao cho ông R số tiền 61.000.000đồng để đặt cọc mua lúa từ những người dân Campuchia, sau khi quyết toán ông R còn nợ lại số tiền 23.346.000đồng, ông R đã trực tiếp trả cho bà N 3.346.000đồng, còn nợ lại số tiền 20.000.000đồng. Bị đơn ông R không rút đơn kháng cáo, trình bày cho rằng các nguyên đơn giao tiền đặt cọc mua lúa trực tiếp cho người Campuchia là ông K, ông R không nhận tiền của các nguyên đơn nên không có trách nhiệm trả số tiền còn nợ lại là 20.000.000đồng, mặc dù ông R là người đứng ra quyết toán và trả lại số tiền nhận thừa cho bà N là 3.346.000đồng.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn R trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

Số tiền 20.000.000đồng các nguyên đơn yêu cầu ông R trả lại có liên quan đến số tiền 61.000.000đồng, các đương sự không cung cấp được chứng cứ xác định ai là người nhận số tiền này. Các nguyên đơn thừa nhận mua lúa từ người dân Campuchia, trực tiếp trả tiền cho họ, số tiền tranh chấp là số tiền đặt cọc. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bà B, căn cứ vào biên bản hòa giải của Tổ hòa giải ấp T là chưa đủ căn cứ. Việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cần phải thu thập thêm các chứng cứ và đưa đầy đủ người tham gia tố tụng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn R được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn R thấy rằng: Giữa các nguyên đơn bà N, ông T, ông C và bà P đã thông qua ông R để mua lúa từ Campuchia, việc giao dịch được thực hiện tại bến bãi của bà B. Các nguyên đơn trình bày cho rằng đã giao số tiền 61.000.000đồng cho ông R, trong khi đó ông R cho rằng người trực tiếp nhận tiền là ông K người Campuchia, ông R xuất trình một giấy tay do ông K viết có nhận tiền của ông T. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ từ ông K, không xác định giấy tay nhận tiền của ông K, không cho đối chất giữa các đương sự là chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, lẽ ra phải hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ như phát biểu đề nghị giải quyết vụ án của bà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[3] Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn vẫn không thừa nhận biết ông K. Theo lời trình bày của ông R và đối chiếu với giấy tay ngày 22/7/2017 của ông K thì ông K viết giấy tay nhận tiền theo yêu cầu của ông R nhưng sau khi đã phát sinh tranh chấp nên không thể căn cứ vào giấy tay này làm cơ sở giải quyết vụ án. Ông R thừa nhận rằng ông R làm trung gian mua lúa từ Campuchia, là người trực tiếp đến xem xét lúa từ ruộng lúa của người nông dân, là người đứng ra quyết toán số tiền mà các nguyên đơn đã giao sau khi mua lúa, còn nợ lại số tiền 23.346.000đồng, chính ông R là người đã trả số tiền 3.346.000đồng cho các nguyên đơn do bà N là người trực tiếp nhận. Trong biên bản hòa giải tại chính quyền địa phương ngày 26/7/2017 mặc dù ông R không có ký tên vào nhưng vẫn trình bày việc mua lúa còn nợ lại số tiền 20.000.000đồng, vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc ông R trả cho các nguyên đơn số tiền còn nợ; bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn R.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 147, 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 163 và Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Thị N, ông Nguyễn Văn T, ông Lâm Văn C, bà Nguyễn Thị Kim P đối với ông Lê Văn R.

Buộc ông Lê Văn R phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Hứa Thị N, ông Nguyễn Văn T và ông Lâm Văn C, bà Nguyễn Thị Kim P số tiền là 20.000.000đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Về án phí: Ông Lê Văn R phải chịu 1.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006746 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Kiến Tường. Ông R còn phải nộp tiếp 1.000.000đồng.

Hoàn trả cho bà Hứa Thị N, ông Nguyễn Văn T và ông Lâm Văn C, bà Nguyễn Thị Kim P 500.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006516 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga